

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA22DDA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19/7/2023

Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115422001	Mai Nhã An	27/03/2004	Nữ	8,7	4.4	6,6		<u>AN</u>		
2	115422003	Nguyễn Ngọc Như Anh	08/07/2004	Nữ	8,7	4.6	6,7		<u>ANH</u>		
3	115422004	Nguyễn Trần Tuyết Anh	25/04/2003	Nữ	8,7	4.4	6,6		<u>ANH</u>		
4	115422006	Trần Nhật Anh	24/01/2004	Nữ	8,7	5.0	6,9		<u>ANH</u>		
5	115422009	Phan Thị Mộng Cẩm	06/03/2004	Nữ	8,7	4.6	6,7		<u>CM</u>		
6	115422012	Vương Châu	30/10/2004	Nam	8,7	4.8	6,8		<u>CHAU</u>		
7	115422013	Phan Lê Chi	03/06/2004	Nữ	8,7	3.8	6,3		<u>CHI</u>		
8	115422015	Kim Thị Ry Đa	16/10/2004	Nữ	8,7	5.0	6,9		<u>DA</u>		
9	115422017	Thạch Hồng Diệp	30/01/2004	Nữ	8,7	5.4	7,1		<u>DIỆP</u>		
10	115422021	Nguyễn Thị Thúy Duy	14/10/2004	Nữ	8,7	4.8	6,8		<u>DUY</u>		
11	115422023	Hà Huỳnh Giao	03/01/2004	Nữ	8,7	4.0	6,4		<u>GIAO</u>		
12	115422027	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10/02/2004	Nữ	8,7	5.0	6,9		<u>HAN</u>		
13	115422029	Bùi Ngọc Kim Hiền	05/10/2004	Nữ	8,7	3.8	6,3		<u>HIEN</u>		
14	115422030	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	20/12/2004	Nữ	8,7	4.6	6,7		<u>HIEN</u>		
15	115422033	Thạch Thị Ngân Huệ	15/01/2004	Nữ	8,7	5.0	6,9		<u>HUETH</u>		
16	115422034	Lê Diễm Hương	06/01/2004	Nữ	8,7	4.4	6,6		<u>HUONG</u>		
17	115422035	Phạm Thị Cẩm Hương	05/05/2004	Nữ	8,7	4.8	6,8		<u>HUONG</u>		
18	115422036	Nguyễn Mỹ Hường	12/09/2004	Nữ	9,2	5.4	7,3		<u>HUONG</u>		
19	115422037	Đào Nguyễn Quốc Huy	29/07/2004	Nam	8,7	4.8	6,8		<u>HUY</u>		
20	115422038	Đỗ Thị Mỹ Huỳnh	29/09/2004	Nữ	9,2	3.8	6,5		<u>HUYNH</u>		
21	115422039	Thạch Dù Keven	07/12/2004	Nam	8,7	3.8	6,3		<u>KEVEN</u>		
22	115422040	Huỳnh Mộng Kha	07/12/2004	Nữ	8,7	4.4	6,6		<u>KHA</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Duy Nam

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm**

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA22DDA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 07 / 2023Phòng thi: Đ71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115422041	Huỳnh Phúc Khang	07/06/2004	Nam	8,7	3,4	6,1	001	Phúc Khang		
2	115422042	Lê Nhựt Khang	26/06/2004	Nam	8,7	4,8	6,8	002	Phúc Khang		
3	115422063	Thạch Thị Sô Phi	06/01/2004	Nữ	8,7	3,6	6,2	003	Phi		
4	115422119	Trần Thị Anh Thư	13/01/2004	Nữ	8,3	3,4	5,9	004	Thư		
5	115422149	Dương Thị Tường Vy	13/08/2004	Nữ	8,3	4,8	6,6	005	Vy		
6	115422160	Lê Gia Bảo	01/01/2004	Nam	10,0	6,8	8,4	006	Bảo		
7	115422162	Nguyễn Tấn Đạt	16/11/2004	Nam	8,7	5,4	7,1	007	Đạt		
8	115422164	Ngô Yến Lam	14/03/2004	Nữ	8,7	3,4	6,1	008	Lam		
9	115422168	Lê Huỳnh Như	29/05/2004	Nữ	8,3	5,6	7,0	009	Như		
10	115422169	Thạch Hoàng Phúc	15/06/2004	Nam	8,3	4,0	6,2	010	Phúc		
11	115422172	Giảng Thị Lan Tiên	12/02/2004	Nữ	8,3	3,0	5,7	011	Tiên		
12	115422174	Kim Thị Ngọc Trâm	28/05/2004	Nữ	8,3	4,6	6,5	012	Trâm		
13	115422175	Nguyễn Thanh Trúc	15/04/2004	Nữ	8,3	5,6	7,0	013	Trúc		
14	115422179	Nguyễn Thị Hồng Duyên	13/03/2004	Nữ	8,7	4,2	6,5	016	Duyên		
15	115422180	Nguyễn Thị Trà Giang	13/07/2004	Nữ	8,7	5,2	7,0	017	Giang		
16	115422181	Trần Khánh Hân	22/09/2004	Nữ	8,7	3,6	6,2	018	Hân		
17	115422182	Nguyễn Nhật Huy	27/01/2004	Nam	8,7	4,6	6,7	019	Huy		
18	115422183	Tạ Trung Kiên	14/11/2004	Nam	8,7	4,4	6,6	020	Kiên		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18Tổng số tờ: 18Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Anh PhiSơn Sơn LêCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA22DDB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115422046	Lê Châu Kiệt	09/12/2004	Nam	8,3	5.0	6,7		Châu		
2	115422048	Thái Thị Thanh	10/01/2004	Nữ	8,3	5.6	7,0		Thanh		
3	115422049	Võ Thị Tố	22/01/2004	Nữ	6,5	5.4	6,0		Tố		
4	115422050	Dương Thị	19/11/2004	Nữ	8,5	4.4	6,5		Dương		
5	115422052	Kiên Thị Phương	19/11/2004	Nữ	8,5	3.6	6,1		Phương		
6	115422053	Trần Lâm Thảo	18/02/2004	Nữ	8,5	5.8	7,2		Thảo		
7	115422055	Kim Phi	22/12/2003	Nam	8,5	3.6	6,1		Phi		
8	115422056	Lê Hoàng	12/11/2004	Nam	8,5	4.2	6,4		Hoàng		
9	115422057	Kim Duy	15/02/2003	Nam	8,5	5.0	6,8		Duy		
10	115422058	Võ Thị Cẩm	07/03/2004	Nữ	8,5	3.8	6,2		Cẩm		
11	115422059	Võ Thị Trúc	26/11/2002	Nữ	8,8	6.0	7,4		Trúc		
12	115422060	Nguyễn Ngọc Kiều	13/12/2004	Nữ	8,2	4.4	6,3		Kiều		
13	115422061	Lư Gia	05/10/2004	Nữ	8,2	4.4	6,3		Gia		
14	115422062	Thạch Thị Sô	20/10/2004	Nữ	8,2	4.4	6,3		Sô		
15	115422064	Bùi Ngọc	23/09/2004	Nữ	8,2	4.8	6,5		Ngọc		
16	115422065	Nguyễn Thị Thanh	05/10/2004	Nữ	8,2	7.2	7,7		Thanh		
17	115422067	Nguyễn Thị Ngọc	04/12/2004	Nữ	8,2	7.8	8,0		Ngọc		
18	115422070	Võ Đặng Khang	04/11/2004	Nữ	8,5	6.4	7,5		Khang		
19	115422071	Đỗ Thị Mỹ	31/10/2004	Nữ	7,5	4.2	5,9		Mỹ		
20	115422072	Kim Thị Thúy	19/05/2004	Nữ	8,5	4.2	6,4		Thúy		
21	115422074	Nguyễn Lê Bảo	13/02/2004	Nữ	8,7	5.2	7,0		Bảo		
22	115422075	Nguyễn Thị Mỹ	12/04/2004	Nữ	8,2	4.6	6,4		Mỹ		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....22.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....22.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....22.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50%.....; Điểm KT:.....50%.....

Trà Vinh, Ngày ..25.. tháng ..7.. năm ..2023..

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA22DDB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 7 / 2023

Phòng thi: D71-106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115422077	Trương Yến Ngọc	11/11/2004	Nữ	8,5	3,8	6,2	001	<i>[Signature]</i>		
2	115422078	Huỳnh Thanh Thảo Nguyên	28/02/2004	Nữ	8,5	4,6	6,6	002	<i>[Signature]</i>		
3	115422079	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	08/03/2004	Nữ	8,5	4,2	6,4	003	<i>[Signature]</i>		
4	115422080	Trần Thị Kim Nguyên	06/12/2004	Nữ	8,5	4,6	6,6	004	<i>[Signature]</i>		
5	115422086	Thạch Thị Bình Nhi	13/06/2004	Nữ	8,5	5,2	6,9	005	<i>[Signature]</i>		
6	115422088	Nguyễn Thị Hồng Nhung	06/10/2004	Nữ	8,5	4,8	6,7	006	<i>[Signature]</i>		
7	115422091	Lê Hữu Hưng Phát	16/12/2004	Nam	8,5	3,8	6,2	007	<i>[Signature]</i>		
8	115422092	Huỳnh Thị Yến Phụng	17/07/2004	Nữ	8,5	5,0	6,8	008	<i>[Signature]</i>		
9	115422093	Đoàn Thị Trúc Phương	25/01/2004	Nữ	7,3	5,2	6,3	009	<i>[Signature]</i>		
10	115422095	Trần Thị Hồng Phương	30/05/2004	Nữ	8,5	5,2	6,9	010	<i>[Signature]</i>		
11	115422096	Kim Thị Bích Phương	11/01/2004	Nữ	7,3	4,6	6,0	011	<i>[Signature]</i>		
12	115422097	Kim Thị Trúc Phương	02/03/2004	Nữ	7,3	4,6	6,0	012	<i>[Signature]</i>		
13	115422098	Đặng Thái Quý	08/12/2004	Nam	8,6	3,8	6,2	013	<i>[Signature]</i>		
14	115422100	Huỳnh Phương Quyên	02/02/2004	Nữ	7,8	4,2	6,0	014	<i>[Signature]</i>		
15	115422101	Lê Mỹ Quyên	24/02/2004	Nữ	—	—	—	—	—		
16	115422178	Danh In	18/11/2001	Nam	8,3	4,6	6,5	016	<i>[Signature]</i>		Vắng
17	115422184	Thạch Thị Kiều	16/03/2002	Nữ	—	—	—	—	—		Vắng
18	115422186	Nguyễn Hồ Năng Lượng	07/06/2003	Nam	8,5	4,4	6,5	020	<i>[Signature]</i>		
19	115422187	Nguyễn Thái Ngọc Mai	18/01/2004	Nữ	8,2	5,6	6,9	021	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: [Signature]
Trần Văn Ca

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: [Signature]
Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (61 -)/DA22KA
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
19/07/2023
Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	114622005	Trương Tấn Minh	25/08/2004	Nam	7,3	5,0	6,2	014	<u>tw</u>		
2	114622026	Nguyễn Ngọc Hằng	18/09/2004	Nữ	7,3	4,2	5,8	015	<u>Hằng</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Ths Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Son Son Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA22KB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19/07/2023

Phòng thi: 071.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114622009	Đỗ Ngọc Thảo	18/02/2004	Nữ	8,3	4,2	6,3	001	Thao		
2	114622013	Hồ Thị Cẩm Tú	04/08/2004	Nữ	9,0	6,2	7,6	002	Tu		
3	114622014	Nguyễn Phụng Tường	13/03/2004	Nữ	9,0	5,2	7,1	003	Phung		
4	114622016	Phan Hoàng Phương Anh	11/08/2003	Nữ	8,0	6,4	7,2	004	Anh		
5	114622033	Đinh Thị Cẩm Ly	01/06/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	005	Ly		
6	114622034	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	09/02/2004	Nữ	8,0	5,6	6,8	006	Quynh		
7	114622038	Lê Lâm Hoài Mi	21/10/2004	Nữ	8,0	5,6	6,8	007	Me		
8	114622040	Võ Thị Thu Minh	17/07/2004	Nữ	8,8	7,2	8,0	008	Minh		
9	114622041	Nguyễn Thị Hà My	05/07/2004	Nữ	8,5	4,6	6,6	009	My		
10	114622042	Lê Thị Hồng Mỹ	29/04/2004	Nữ	8,3	6,8	7,6	010	My		
11	114622043	Phạm Quốc Nam	22/12/2002	Nam	8,0	5,8	6,9	011	Nam		
12	114622053	Trần Nguyễn Anh Như	16/12/2004	Nữ	8,3	6,2	7,3	012	Nhu		
13	114622060	Kim Khắc Thiên Sơn	04/02/2004	Nam	8,0	2,8	5,4	013	Son		
14	114622065	Trần Minh Thư	17/01/2004	Nữ	8,7	4,0	6,4	014	Thư		
15	114622068	Phan Thị Huyền Trân	04/02/2004	Nữ	9,2	7,2	8,2	015	Tran		
16	114622069	Phạm Thị Huế Trân	13/03/2004	Nữ	9,6	6,8	8,2	016	Tran		
17	114622074	Bùi Thị Ánh Tuyết	27/11/2004	Nữ	9,5	6,4	8,0	017	Tuyết		
18	114622075	Vương Ngọc Vân	02/10/2004	Nữ							
19	114622076	Tạ Thanh Vung	26/03/2004	Nữ	8,9	6,2	7,6	019	Vung		
20	114622079	Hà Gia Hân	24/09/2004	Nữ	7,3	4,0	5,7	020	Han		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Lê

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

19/7
D71.106

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA22TYA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 7 / 2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111322031	Trần Nguyễn Hưng	07/06/2004	Nam	7,5	✓	✓	✓	✓		Vàng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 5 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: La Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: La

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (61 -)/DA22TYB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

19 / 7 / 2023

Phòng thi: D7.1.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111322068	Hồ Ngọc Quang	28/11/2004	Nam	<u>7,0</u>	<u>6,2</u>	<u>6,6</u>	<u>018</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 27 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Diễm Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký]

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Nguyễn Thị Lành